TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 52/2025/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 13 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điểu 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 88/2025/VDS-HNGĐ ngày 30/10/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lò Văn M, sinh ngày 08/01/1986. Số căn cước công dân: 01, ngày cấp: 01/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản A, xã B, tỉnh Sơn La.

- Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 07/11/1985. Số căn cước công dân: 016, ngày cấp: 22/10/2025, nơi cấp: Bộ Công an. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản A, xã B, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lò Văn M và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau từ năm 2005 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, anh M và chị T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 16/02/2005.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì sảy ra mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, hay sảy ra cãi vã, tình cảm không hoà thuận. Hai anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Hai anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn

nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh Lò Văn M và chị Hoàng Thị T xác định có 02 con chung là cháu Lò Vân T1, sinh ngày 15/6/2005 (đã trưởng thành) và cháu Lò Kim T2, sinh ngày 22/01/2012. Anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn anh Lò Văn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Kim T2 cho đến khi cháu T2 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động), hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh, chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, vì vậy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Lò Văn M và chị Hoàng Thị T xác nhận tự nguyện thoả thuận phân chia và không đề nghị Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh Lò Văn M tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 05 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn M và chị Hoàng Thị T.

- Về con chung: Cháu Lò Vân T1, sinh ngày 15/6/2005 đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết. Giao cháu Lò Kim T2, sinh ngày 22/01/2012 cho anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Anh M, chị T xác nhận tự thoả thuận và không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lò Văn M tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản, nợ chung khi ly hôn là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000629 ngày 30 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Yên Châu;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy